

## DANH SÁCH NGƯỜI HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN

| STT | Họ và tên              | Số CCHN     | Ngày cấp   |
|-----|------------------------|-------------|------------|
| (1) | (2)                    | (3)         | (4)        |
| 1   | NGUYỄN MIÊN TUẤN       | 000268/QLQ  | 16/06/2009 |
| 2   | HỒ TẤN ĐẠT             | 000493/QLQ  | 22/12/2009 |
| 3   | NGUYỄN THỊ THU HUYỀN   | 000203/QLQ  | 17/04/2009 |
| 4   | NGUYỄN HIẾU            | 000459/QLQ  | 23/11/2009 |
| 5   | NGUYỄN CHÍ TRUNG       | 000015/QLQ  | 27/02/2009 |
| 6   | TRẦN THẮNG LONG        | 000427/QLQ  | 01/11/2009 |
| 7   | LÊ MINH HIỀN           | 001130/PTTC | 06/07/2009 |
| 8   | NGUYỄN TRUNG QUÂN      | 000157/PTTC | 18/03/2009 |
| 9   | LƯƠNG THỊ HỒNG PHƯƠNG  | 000218/PTTC | 13/03/2009 |
| 10  | TRỊNH ĐỨC HIẾU         | 000244/PTTC | 16/03/2009 |
| 11  | NGUYỄN KHẢ THỨC        | 000320/PTTC | 16/03/2009 |
| 12  | NGUYỄN THỊ HÀ          | 000525/PTTC | 16/03/2009 |
| 13  | NGUYỄN BÍCH DIỆP       | 000794/PTTC | 20/04/2009 |
| 14  | NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG | 001667/PTTC | 02/06/2010 |
| 15  | PHẠM TẤN TIẾN          | 001978/PTTC | 06/09/2012 |
| 16  | NGUYỄN HUY PHƯƠNG      | 002110/PTTC | 22/07/2014 |
| 17  | LÊ THỊ TUỆ MINH        | 002384/PTTC | 07/04/2017 |
| 18  | NGUYỄN KIM HOAN        | 002385/PTTC | 07/04/2017 |
| 19  | BÙI THÙY CHI           | 002540/PTTC | 10/02/2020 |
| 20  | ĐỖ THẠCH LAM           | 002664/PTTC | 03/04/2023 |
| 21  | NGÔ THANH TUYẾN        | 002695/PTTC | 16/05/2023 |
| 22  | ĐINH CÔNG MINH         | 002780/PTTC | 15/12/2023 |
| 23  | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAM  | 003012/PTTC | 02/04/2025 |
| 24  | TRẦN KHIẾT LUÂN        | 003284/PTTC | 05/06/2026 |
| 25  | TRẦN QUANG KHẢI        | 001180/QLQ  | 02/12/2014 |
| 26  | TRẦN THỤY KIM LY       | 001517/QLQ  | 11/01/2017 |
| 27  | LÊ THỊ MỸ LÝ           | 001633/QLQ  | 25/12/2017 |
| 28  | NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG   | 001798/QLQ  | 21/06/2019 |
| 29  | HOÀNG THỊ LAN HƯƠNG    | 001925/QLQ  | 17/09/2020 |
| 30  | VŨ THỊ TRÀ GIANG       | 002021/QLQ  | 27/09/2022 |
| 31  | NGUYỄN HOÀI THU        | 002038/QLQ  | 26/12/2022 |
| 32  | NGUYỄN NGỌC TÀI        | 002052/QLQ  | 15/02/2023 |
| 33  | NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH   | 002055/QLQ  | 15/02/2023 |
| 34  | HOÀNG VŨ QUỲNH NHƯ     | 002229/QLQ  | 19/09/2023 |
| 35  | ĐỒNG THANH HẢI         | 002275/QLQ  | 17/10/2023 |
| 36  | NGUYỄN BÌNH DƯƠNG      | 002439/QLQ  | 16/02/2024 |
| 37  | ĐẶNG GIA TUẤN          | 002500/QLQ  | 02/04/2024 |
| 38  | NGUYỄN VĂN THIỆN       | 002501/QLQ  | 02/04/2024 |
| 39  | ĐẶNG QUANG ĐÔNG        | 002528/QLQ  | 19/04/2024 |
| 40  | LÊ VĂN HƯƠNG           | 002667/QLQ  | 13/01/2025 |
| 41  | DƯƠNG KIM CHI          | 002781/QLQ  | 14/03/2025 |

| STT | Họ và tên             | Số CCHN     | Ngày cấp   |
|-----|-----------------------|-------------|------------|
| 42  | LÊ DIỆU LINH          | 002796/QLQ  | 14/03/2025 |
| 43  | BÀNH TRÍ TƯỜNG        | 003286/QLQ  | 27/05/2026 |
| 44  | NGUYỄN HẮC HẢI        | 003308/QLQ  | 04/06/2026 |
| 45  | TỔNG NGUYỄN TIẾN SƠN  | 003304/QLQ  | 04/06/2026 |
| 46  | LÊ PHƯƠNG QUỐC        | 003322/QLQ  | 04/06/2026 |
| 47  | LÊ THỊ NGÂN TÂM       | 003321/QLQ  | 04/06/2026 |
| 48  | ĐẶNG THẢO NGUYÊN      | 003334/QLQ  | 09/07/2026 |
| 49  | CÁP LÊ NGỌC NIÊN      | 000568/MGCK | 09/04/2009 |
| 50  | TRẦN THỊ QUỲ          | 000569/MGCK | 09/04/2009 |
| 51  | LÊ VƯƠNG HÙNG         | 000571/MGCK | 09/04/2009 |
| 52  | NGUYỄN THỊ MỸ NƯƠNG   | 000573/MGCK | 09/04/2009 |
| 53  | PHẠM CHIỀU VÂN        | 000845/MGCK | 12/06/2009 |
| 54  | NGUYỄN HỒNG TRANG     | 000866/MGCK | 02/06/2009 |
| 55  | TRƯƠNG THỊ THU HẰNG   | 000974/MGCK | 29/07/2009 |
| 56  | LÊ DUY LINH           | 001215/MGCK | 17/12/2009 |
| 57  | NGUYỄN THỊ QUỲNH LIÊN | 001216/MGCK | 17/12/2009 |
| 58  | HỒ NGUYỄN THỦY TIÊN   | 001244/MGCK | 07/01/2010 |
| 59  | PHẠM PHONG THÀNH      | 001320/MGCK | 04/06/2010 |
| 60  | NGUYỄN THỊ THÚY TIÊN  | 001385/MGCK | 14/10/2010 |
| 61  | HOÀNG THỊ MAI HOÀNG   | 001474/MGCK | 23/12/2010 |
| 62  | HOÀNG THỊ THU HƯƠNG   | 001714/MGCK | 24/05/2011 |
| 63  | ĐỖ ĐÌNH BỬU           | 002046/MGCK | 28/12/2011 |
| 64  | MAI TRẦN ĐÌNH PHI     | 002245/MGCK | 06/09/2012 |
| 65  | LÊ MINH NGUYỄN        | 002265/MGCK | 25/12/2012 |
| 66  | TRẦN THỊ KIM QUYÊN    | 002440/MGCK | 04/10/2013 |
| 67  | TRƯƠNG HUỲNH TRÚC     | 002444/MGCK | 04/10/2013 |
| 68  | CAO THỊ THANH HUYỀN   | 002474/MGCK | 30/10/2013 |
| 69  | NGUYỄN VĂN MẠNH       | 002475/MGCK | 30/10/2013 |
| 70  | NGUYỄN ĐỨC THIỆN      | 002478/MGCK | 30/10/2013 |
| 71  | LƯƠNG THỊ MAI         | 002594/MGCK | 19/02/2014 |
| 72  | HUỲNH HỮU PHƯỚC       | 002684/MGCK | 09/07/2014 |
| 73  | NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM  | 002688/MGCK | 09/07/2014 |
| 74  | NGUYỄN THẾ HOÀI       | 002703/MGCK | 09/10/2014 |
| 75  | NGUYỄN THỊ VÂN PHÚC   | 002879/MGCK | 04/03/2015 |
| 76  | LÊ THỊ THẢO NGUYÊN    | 003230/MGCK | 06/10/2015 |
| 77  | MAI HOÀNG HUY         | 003247/MGCK | 21/10/2015 |
| 78  | NGUYỄN THỊ THẢO NHƯ   | 003319/MGCK | 30/11/2015 |
| 79  | NGUYỄN HOÀNG DUY ANH  | 003644/MGCK | 10/06/2016 |
| 80  | TRẦN HOÀNG NGỌC TRẦN  | 003649/MGCK | 23/06/2016 |
| 81  | ĐỖ BÍCH THẢO          | 003860/MGCK | 11/01/2017 |
| 82  | VÕ THỊ BÍCH TRÂM      | 003934/MGCK | 10/02/2017 |
| 83  | LÊ THANH LỘC          | 004372/MGCK | 08/02/2018 |
| 84  | BÙI NAM PHƯƠNG        | 004391/MGCK | 08/03/2018 |
| 85  | NGUYỄN HÀ LAN CHI     | 004824/MGCK | 24/01/2019 |
| 86  | TRẦN VĂN TIẾN ĐẠT     | 005179/MGCK | 15/08/2019 |

| STT | Họ và tên                 | Số CCHN     | Ngày cấp   |
|-----|---------------------------|-------------|------------|
| 87  | NGUYỄN HUỲNH HÀ           | 006385/MGCK | 02/03/2020 |
| 88  | NGUYỄN BÍCH LY            | 006386/MGCK | 03/03/2020 |
| 89  | NGUYỄN HỮU HOÀNG          | 006434/MGCK | 20/03/2020 |
| 90  | LÊ THỊ HỒNG GẤM           | 006537/MGCK | 09/06/2020 |
| 91  | LẠI VĂN NGUYỄN            | 006668/MGCK | 05/10/2020 |
| 92  | PHAN NGỌC THƠ             | 006946/MGCK | 17/10/2022 |
| 93  | VÕ MINH HẢI               | 006947/MGCK | 17/10/2022 |
| 94  | NGUYỄN PHÚ QUÍ            | 006957/MGCK | 17/10/2022 |
| 95  | BÙI THẾ DUY               | 006993/MGCK | 12/12/2022 |
| 96  | NGUYỄN HUY BẰNG           | 007021/MGCK | 21/12/2022 |
| 97  | LÊ THỊ THU THANH          | 007121/MGCK | 10/02/2023 |
| 98  | PHẠM THỊ HUỲNH TRANG      | 007139/MGCK | 10/02/2023 |
| 99  | NGUYỄN MẠNH CHÍNH         | 007147/MGCK | 27/02/2023 |
| 100 | NGUYỄN THỊ TÚ DUYÊN       | 007148/MGCK | 27/02/2023 |
| 101 | NGUYỄN THỊ TRÂM           | 007157/MGCK | 06/03/2023 |
| 102 | NGUYỄN THỊ QUỲNH EM       | 007158/MGCK | 06/03/2023 |
| 103 | VIÊN LẠI TRẦN CHIẾN       | 007185/MGCK | 09/03/2023 |
| 104 | NGUYỄN ĐỨC THÀNH          | 007198/MGCK | 13/03/2023 |
| 105 | VÕ ÁI THUY DƯƠNG          | 007199/MGCK | 13/03/2023 |
| 106 | ĐỖ THỊ QUỲNH NHƯ          | 007240/MGCK | 27/03/2023 |
| 107 | NGUYỄN DUY ANH            | 007251/MGCK | 27/03/2023 |
| 108 | TRẦN THỊ NGỌC MINH        | 007273/MGCK | 07/04/2023 |
| 109 | TRẦN QUỐC THẮNG           | 007301/MGCK | 20/04/2023 |
| 110 | TRỊNH THỊ DUNG            | 007352/MGCK | 25/04/2023 |
| 111 | BIỆN XUÂN DUY PHƯƠNG      | 007405/MGCK | 15/05/2023 |
| 112 | NGUYỄN THỊ MINH THƯ       | 007447/MGCK | 23/05/2023 |
| 113 | LÊ TRƯỜNG LÂM             | 007460/MGCK | 24/05/2023 |
| 114 | TRẦN THỊ NGỌC             | 007594/MGCK | 14/06/2023 |
| 115 | KIỆU THỊ MỸ TRANG         | 007682/MGCK | 03/07/2023 |
| 116 | BÙI THỊ THU               | 007888/MGCK | 25/08/2023 |
| 117 | PHAN THỊ THU THỦY         | 007889/MGCK | 25/08/2023 |
| 118 | TRỊNH TẤN THÀNH           | 008008/MGCK | 05/10/2023 |
| 119 | ĐÌNH THỊ THANH HÀ         | 008009/MGCK | 05/10/2023 |
| 120 | BÙI THỊ BÍCH TRÂM         | 008010/MGCK | 05/10/2023 |
| 121 | LÊ ĐỨC DỰ                 | 008011/MGCK | 05/10/2023 |
| 122 | ĐỖ ĐÌNH PHÚC              | 008012/MGCK | 05/10/2023 |
| 123 | NGUYỄN HOÀNG DŨNG         | 008021/MGCK | 05/10/2023 |
| 124 | NGUYỄN THỊ LẬP            | 008053/MGCK | 11/10/2023 |
| 125 | TRẦN LONG HUÂN            | 008054/MGCK | 11/10/2023 |
| 126 | NGUYỄN THANH PHƯƠNG GIANG | 008098/MGCK | 31/10/2023 |
| 127 | NGUYỄN THỊ THÚY           | 008107/MGCK | 31/10/2023 |
| 128 | HOÀNG THỊ ÁNH NGỌC        | 008138/MGCK | 06/11/2023 |
| 129 | CAO PHƯƠNG THỦY           | 008140/MGCK | 06/11/2023 |
| 130 | NGUYỄN THỊ XUÂN HUYỀN     | 008234/MGCK | 04/12/2023 |
| 131 | MAI MỸ LINH               | 008237/MGCK | 04/12/2023 |

| STT | Họ và tên               | Số CCHN     | Ngày cấp   |
|-----|-------------------------|-------------|------------|
| 132 | PHAN THỊ KIỀU LINH      | 008272/MGCK | 11/12/2023 |
| 133 | NGÔ MINH TOÀN KHOA      | 008486/MGCK | 31/01/2024 |
| 134 | PHẠM NGUYỄN LINH PHƯƠNG | 008523/MGCK | 07/02/2024 |
| 135 | VÕ NGỌC ÁNH             | 008770/MGCK | 11/03/2024 |
| 136 | ĐẶNG PHÚ                | 008937/MGCK | 05/04/2024 |
| 137 | NGUYỄN ĐĂNG KHOA        | 009107/MGCK | 24/04/2024 |
| 138 | TRẦN THANH TRÍ          | 009109/MGCK | 24/04/2024 |
| 139 | NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG   | 009190/MGCK | 15/05/2024 |
| 140 | PHẠM MINH VINH          | 009199/MGCK | 16/05/2024 |
| 141 | VƯƠNG THỊ THÚY LY       | 009219/MGCK | 20/05/2024 |
| 142 | TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ      | 009226/MGCK | 22/05/2024 |
| 143 | TRẦN TRUNG KIÊN         | 009266/MGCK | 05/06/2024 |
| 144 | NGUYỄN THỊ THU HÀ       | 009307/MGCK | 18/06/2024 |
| 145 | ĐẶNG AN TRANG           | 009417/MGCK | 19/07/2024 |
| 146 | NGUYỄN THỊ THÚY         | 009588/MGCK | 08/01/2025 |
| 147 | NGUYỄN NGỌC AN          | 009592/MGCK | 13/01/2025 |
| 148 | TRẦN CÔNG LUẬN          | 009593/MGCK | 13/01/2025 |
| 149 | TRẦN LỆ HẠ DUNG         | 009594/MGCK | 13/01/2025 |
| 150 | HUỲNH MINH ANH          | 009607/MGCK | 15/01/2025 |
| 151 | HOÀNG TRỌNG DUY         | 009755/MGCK | 18/02/2025 |
| 152 | PHẠM THỊ THỦY           | 009773/MGCK | 21/02/2025 |
| 153 | BÙI THỊ KIM LIÊN        | 009774/MGCK | 21/02/2025 |
| 154 | NGUYỄN HỮU ĐỒNG         | 009849/MGCK | 18/03/2025 |
| 155 | TRẦN THỊ THU TRANG      | 009907/MGCK | 15/04/2025 |
| 156 | BÙI THU HỒNG            | 009911/MGCK | 15/04/2025 |
| 157 | NGUYỄN PHƯƠNG HIẾU      | 009937/MGCK | 21/04/2025 |
| 158 | NGUYỄN THU THẨM         | 009967/MGCK | 29/04/2025 |
| 159 | DƯƠNG THỊ HỒNG NHUNG    | 009968/MGCK | 29/04/2025 |
| 160 | LÊ CÔNG QUÂN            | 009985/MGCK | 29/04/2025 |
| 161 | PHAN VŨ QUỐC CƯỜNG      | 010210/MGCK | 02/10/2025 |
| 162 | NGUYỄN THỊ THANH HIỀN   | 010228/MGCK | 03/10/2025 |
| 163 | NGUYỄN HỒNG VÂN         | 010273/MGCK | 16/10/2025 |
| 164 | NGUYỄN TRẦN PHÚ QUÝ     | 010326/MGCK | 28/10/2025 |
| 165 | HUỲNH THỊ KIM THU       | 010444/MGCK | 08/12/2025 |
| 166 | NGUYỄN THÀNH DANH       | 010900/MGCK | 02/04/2026 |
| 167 | NGUYỄN ÁI LIÊN          | 010971/MGCK | 27/05/2026 |
| 168 | HUỲNH THỊ BÍCH TRẦN     | 010976/MGCK | 01/06/2026 |
| 169 | LÂM VŨ NHƯ NHUNG        | 010990/MGCK | 02/06/2026 |
| 170 | HUỲNH TẤN PHÚC          | 010974/MGCK | 01/06/2026 |